

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm do tác động của nhóm cổ phiếu vật liệu xây dựng, thủy sản và chứng khoán với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL VN30F2407 tăng điểm trái ngược với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

PNJ, HND

[Cập nhật công ty]

HAH, VTP, VCS, TPB, VIB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các phiên hồi phục sớm, ưu tiên bán chốt lời các vị thế trading đã mở và hạ tỷ trọng danh mục xuống ngưỡng an toàn khi chỉ số tiếp cận các vùng kháng cự

21/06/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,282.02	-0.02
VN30	1,319.93	-0.18
HĐTL VN30F1M	1,320.90	-0.23
HNXIndex	244.36	+0.16
HNX30	537.05	-0.26
UPCoM	100.58	+1.32
USD/VND	25,456	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.77	+2
Lãi suất qua đêm (%)	3.45	+17
Dầu (WTI, \$)	81.22	-1.16
Vàng (LME, \$)	2,363.61	+0.15



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,282.02 (-0.02%)
KLGD (triệu CP) 702.7 (-8.4%)
GTGD (triệu US\$) 843.3 (-10.0%)

TTCK Việt Nam giảm điểm do tác động của nhóm cổ phiếu vật liệu xây dựng, thủy sản và chứng khoán với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 1,008.8 tỷ đồng, tập trung tại FPT (+2.1%), VND (-2.99%), VRE (-1.23%).

HNXIndex 244.36 (+0.16%)
KLGD (triệu CP) 71.3 (-4.0%)
GTGD (triệu US\$) 51.6 (-2.4%)

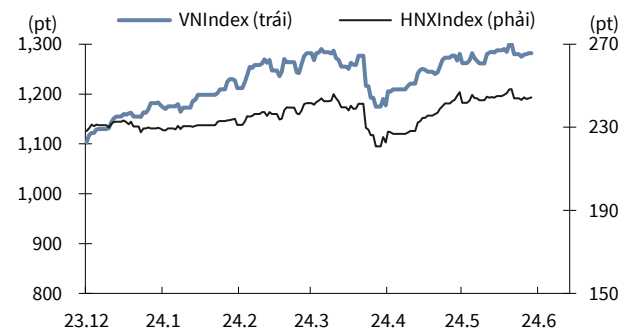
Giá gas hôm nay (21/06) giảm 0.26% xuống mức 2.72 USD/mmBTU đối với hợp đồng khí gas tự nhiên gia tháng 07/2024. Cổ phiếu ngành dầu khí giảm giá ở BSR (-1.73%), PVD (-0.46%).

UPCoM 100.58 (+1.32%)
KLGD (triệu CP) 114.5 (+62.6%)
GTGD (triệu US\$) 69.0 (+55.4%)

Giá thép giao tháng 9/2024 trên sàn giao dịch thương hải giảm 22 nhân dân tệ/tấn, hiện ghi nhận ở mức 3,462 nhân dân tệ/ tấn. tại ngày 21/6/2024. Cổ phiếu ngành thép giảm giá ở NKG (-2.58%); HPG (-1.03%).

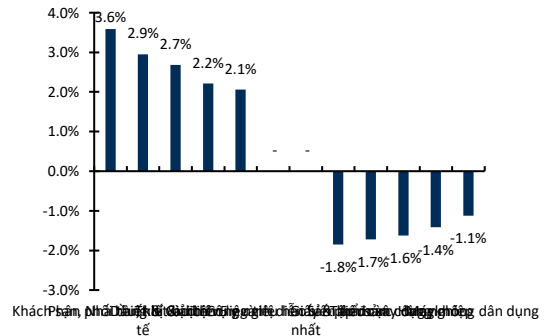
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -40.7

VNIndex & HNXIndex



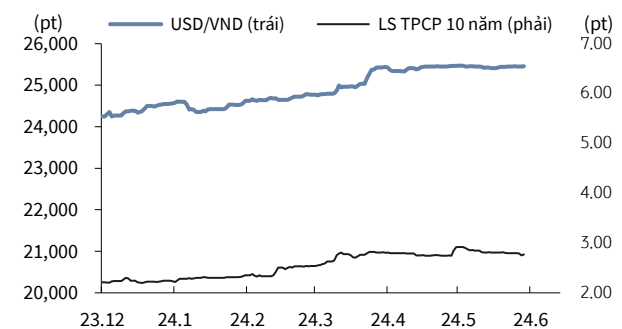
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



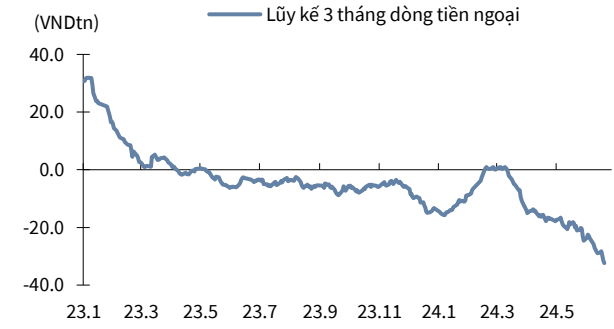
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

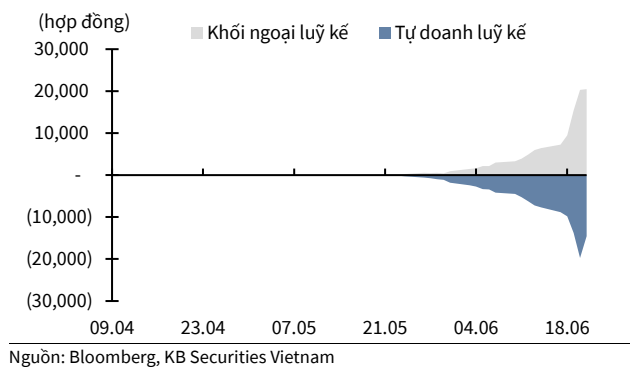
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,319.93 (-0.18%)
VN30F1M	1,320.9 (-0.23%)
Mở cửa	1,322.6
Cao nhất	1,323.6
Thấp nhất	1,311.2
KLGD (HĐ)	250,876 (-4.9%)

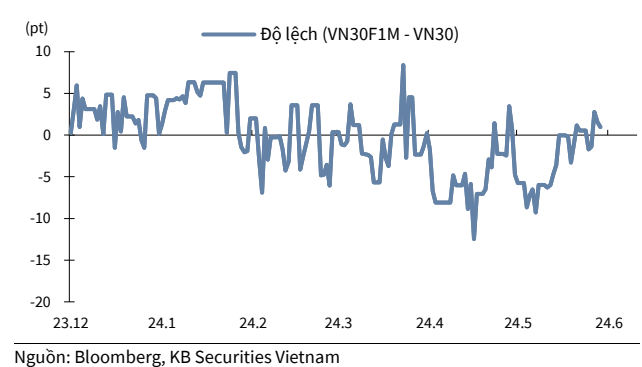
HĐTL VN30F2407 tăng điểm trái ngược với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2407 và VN30 đạt mức thấp nhất phiên tại -6.1 điểm ở đầu phiên sáng, sau đó biến động quanh -3.5 điểm và đóng cửa tại 0.97 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

Khối ngoại mua ròng 164 HĐTL VN30F2407 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 20,479 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 5,162 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 14,576 hợp đồng.

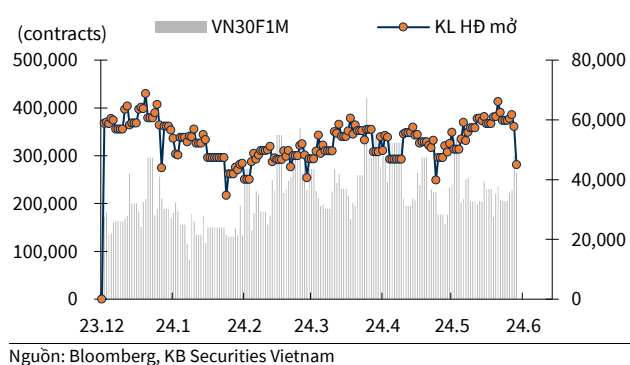
Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



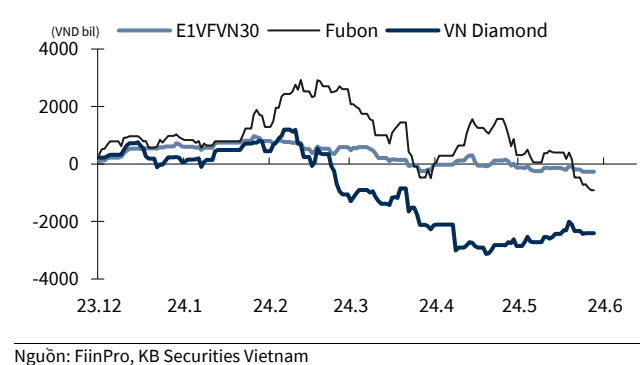
Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở

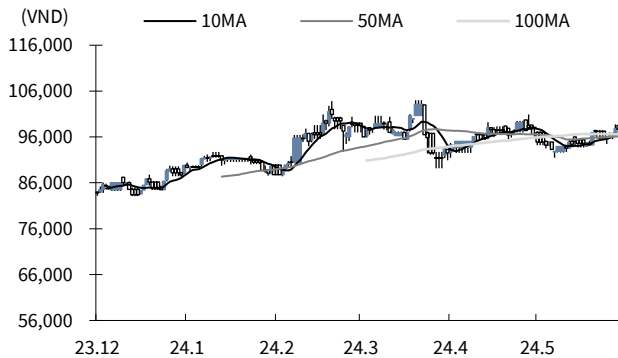


Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Thông tin doanh nghiệp

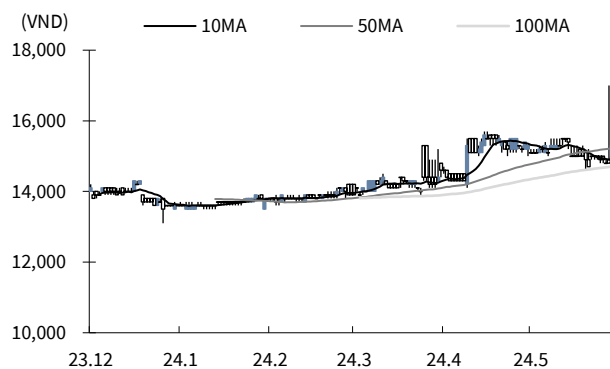
CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PNJ giảm 0.1% xuống còn 97,700 VND/cp
- CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận vừa công bố kết quả kinh doanh 5 tháng đầu năm với 19,547 tỷ đồng doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế đạt 1,051 tỷ đồng, tăng lần lượt 37% và 8.5% YoY. Như vậy, sau 5 tháng, công ty đã thực hiện được lần lượt 53% và 50% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận. Tính riêng tháng 5, doanh thu của PNJ ước đạt 3,498 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 136 tỷ đồng.

CTCP Nhiệt điện Hải Phòng (HND)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HND tăng 2.68% lên 15,300 VND/cp.
- CTCP Nhiệt điện Hải Phòng vừa công bố nghị quyết họp HĐQT phiên 3 năm 2024. Công ty cho biết trong 5 tháng đầu năm, sản lượng điện sản xuất đạt 3,238 triệu kWh, thực hiện được 42% kế hoạch năm Doanh thu sản xuất điện đạt 5,169 tỷ đồng, hoàn thành 42% kế hoạch năm. Lợi nhuận đã bao gồm chênh lệch tỷ giá, nhưng chưa bao gồm chi phí sửa chữa lớn đạt 379 tỷ đồng, thực hiện được 96% mục tiêu năm.

CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An(HAH) Phục hồi mạnh về cuối năm

Chuyên viên phân tích Nguyễn Ngọc Anh
anhntn@kbsec.com.vn
(+84) 24-7303-5333

19/06/2024

1Q2024, HAH ghi nhận doanh thu 704 tỷ VND (+7% yoy), LNST 47 tỷ VND (-63% yoy)

1Q2024, HAH đạt doanh thu thuần 704 tỷ VND (+7% yoy). Tăng trưởng doanh thu ghi nhận ở cả mảng khai thác cảng và khai thác tàu. Tuy nhiên do 1Q2024, giá cước vận tải biển giảm mạnh cũng như các hợp đồng thuê tàu kí mới ở mức giá thấp hơn nhiều, biên gộp giảm xuống chỉ còn 5%. LNST của HAH 1Q2024 đạt 47 tỷ VND (-63% yoy), hoàn thành 16% LNST kế hoạch 2024.

Giá cước vận tải HAH kì vọng tăng 15% yoy theo diễn biến tăng chung của cước vận tải thế giới

Giá cước nội địa và nội Á của HAH hiện đã được điều chỉnh tăng 10% yoy. Dự kiến giá cước vận tải của Hải An sẽ tiếp tục tăng về cuối năm, giá trung bình năm 2024 cao hơn 15% mức trung bình 2023 do chịu tác động từ lo ngại nguy cơ thiếu hụt container rỗng và nhu cầu về tàu biển cao trên thế giới.

Tổng sản lượng khai thác tàu của HAH năm 2024 dự kiến tăng 15-20% yoy đạt 525,000 Teu

Sản lượng khai thác tàu của HAH kì vọng hồi phục mạnh so với 2023, chúng tôi dự kiến tổng sản lượng vận tải 2024 đạt hơn 525,000 Teu (+20%yoy) do: (1) nhu cầu vận tải hồi phục, (2) tuyến tàu mới liên tục được bổ sung, mở rộng và (3) HAH tiếp nhận 3 tàu đóng mới trong 2024.

Khuyến nghị MUA – giá mục tiêu 51,700 VND/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và định giá, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu HAH – giá mục tiêu 51,700 VND/cổ phiếu, tương đương với mức sinh lời 20% so với giá đóng cửa ngày 19/06/2024.

MUA duy trì

Giá mục tiêu VND 51,700

Tăng/giảm (%)	20%
Giá hiện tại (19/06/2024)	VND 43,100
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 40,400
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/tỷ USD)	5,100 / 360

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	50.8%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	167.6/6.6
Sở hữu nước ngoài (%)	10.4%
Cổ đông lớn	CTCP Đầu tư và Vận tải Hải Hà (15.22%)

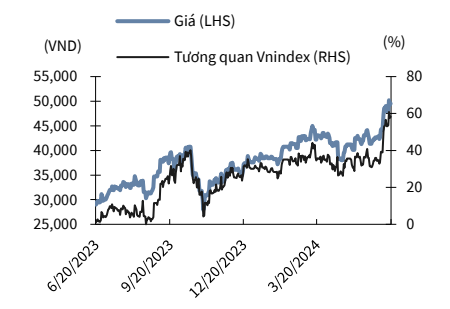
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	12.6	15.5	33.2	70.9
Tương đối	12.4	13.9	16.9	55.7

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	3,206	2,613	3,199	3,841
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	1,300	447	562	684
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	822	385	375	461
EPS (VND)	11,306	3,315	3,093	3,799
Tăng trưởng EPS (%)	82%	-71%	-7%	23%
P/E (x)	2.9	13.0	13.9	11.3
P/B (x)	1.7	1.1	1.7	1.5
ROE (%)	36%	11%	12%	13%
Tỷ suất cổ tức (%)	1.3%	0.2%	2.1%	1.0%

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Tổng CTCP Bưu chính Viettel (VTP)

Tăng cường mở rộng mạng lưới logistics

20/06/2024

Chuyên viên phân tích Nguyễn Ngọc Anh
anhntn@kbsec.com.vn
(+84) 24-7303-5333

1Q2024, VTP ghi nhận doanh thu thuần 4,674 tỷ VND (-2% yoy), LNST đạt 58 tỷ VND (-23% yoy)

1Q2024, doanh thu thuần VTP đạt 4,674 tỷ VND (-2% yoy). Trong đó doanh thu mảng dịch vụ đạt 2,699 tỷ VND (+29% yoy), doanh thu mảng bán hàng thu hẹp còn 1,975 tỷ VND (-26% yoy). Biên gộp mảng dịch vụ giảm do chi phí tăng, kéo theo LNST 1Q2024 chỉ ghi nhận 58 tỷ VND (-23% yoy).

VTP định hướng thu hẹp mảng bán hàng, tập trung đẩy mạnh mảng chuyển phát và logistics

Năm 2024, VTP định hướng thu hẹp mảng bán hàng, giảm doanh thu mảng bán sim thẻ xuống còn hơn 4,000 tỷ VND (-57% yoy). Doanh nghiệp tập trung toàn bộ nguồn lực đẩy mạnh đầu tư phát triển hoạt động chuyển phát và logistics, mục tiêu nâng thị phần lên 19.5% vào cuối năm nay, đồng thời lên kế hoạch triển khai xây dựng hệ thống logistics cấp quốc gia.

VTP vừa qua đã ký hợp tác thành công với chính quyền tại Quảng Tây, Trung Quốc, mở đường cho kế hoạch khai thác liên vận Việt - Trung

VTP vừa qua đã ký thỏa thuận hợp tác với chính quyền TP.Nam Ninh và TP.Bắc Ninh xây dựng 2 trung tâm logistics tại các thành phố này, giúp giảm thời gian kết nối giữa Quảng Tây và Hà Nội, giảm chi phí logistics cho hàng hóa giao thương, đặt nền móng đầu tiên cho quá trình xây dựng và khai thác mạng lưới chuyển phát tại Trung Quốc và các quốc gia lân cận của VTP trong tương lai.

Khuyến nghị NĂM GIỮ – giá mục tiêu 101,000 VND/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi khuyến nghị NĂM GIỮ đối với cổ phiếu VTP, giá mục tiêu 101,000 VND/cổ phiếu, tương đương với mức lợi nhuận 5.2% so với giá đóng cửa ngày 20/06/2024.

NĂM GIỮ duy trì

Giá mục tiêu	VND 101,000
Tăng/giảm (%)	5.2%
Giá hiện tại (20/06/2024)	VND 96,000
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 77,200
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	11.7/0.5

Dữ liệu giao dịch

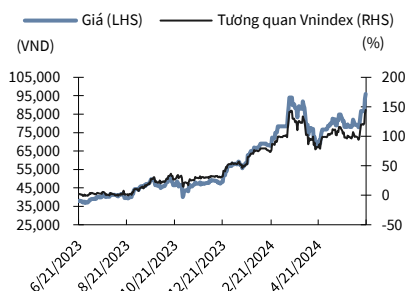
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	37.1%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	135.1/5.3
Sở hữu nước ngoài (%)	7.6%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội (60.9%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	16.2	6.2	98.8	153.2
Tương đối	15.8	5.7	82.4	138.6

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2022	2023	2024F	2025F
Doanh số thuần (tỷ VND)	21,629	19,588	16,413	17,427
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	323	482	366	426
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	174	278	287	335
EPS (VND)	1,811	2,652	2,357	2,748
Tăng trưởng EPS (%)	-18%	60%	3%	17%
P/E (x)	53.0	36.2	40.7	34.9
P/B (x)	8.4	7.4	6.5	5.6



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Vicostone (VCS)

Định giá rẻ nhưng triển vọng hồi phục chậm

21/06/2024

Chuyên viên phân tích Nguyễn Dương Nguyên
nguyennnd1@kbsec.com.vn
[\(+84\) 24-7303-5333](tel:+842473035333)

KQKD 1Q2024 hoàn thành 24% kế hoạch năm

VCS ghi nhận doanh thu và LNST 1Q2024 đạt lần lượt 1,074 tỷ VND (+4% YoY) và 205 tỷ VND (+8% YoY). Trong đó, doanh thu thành phẩm tăng 13% YoY, doanh thu xuất khẩu ước tính tăng 10% YoY.

Triển vọng hồi phục đi liền với tiến độ hạ lãi suất của FED

Trong T5/2024, tổng giao dịch mua nhà tại Mỹ giảm 4% YoY, trong đó, số lượng nhà mới được mua giảm 14% YoY. Chúng tôi cho rằng số lượng giao dịch mua nhà tại Mỹ đang có xu hướng tạo đáy và sẽ dần hồi phục khi FED dần hạ lãi suất điều hành, bắt đầu từ 4Q2024, từ đó tạo động lực thúc đẩy tiêu thụ đá ốp lát tại thị trường Mỹ. KBSV ước tính doanh thu của VCS tăng 14%/18% trong 2024/2025.

Biên lãi gộp dần cải thiện trong tương lai

KBSV kỳ vọng biên lãi gộp của VCS sẽ dần cải thiện nhờ (1) công ty tập trung vào phân khúc sản phẩm cao cấp và dừng giảm giá bán để cạnh tranh với các sản phẩm xuất khẩu từ Trung Quốc, Ấn Độ (vào Mỹ), (2) VCS tối ưu chi phí nguyên vật liệu sau khi mua lại nhà máy sản xuất polyester resin từ Phượng Hoàng Xanh A&A, (3) công suất sản xuất dần hồi phục.

Khuyến nghị MUA với VCS, giá mục tiêu 95,900 VND/cổ phiếu

Chúng tôi nhận thấy VCS đang được giao dịch ở mức định giá hấp dẫn với P/B forward 2.2x (thấp hơn trung bình 5 năm là 3x) với triển vọng hồi phục KQKD khi nhu cầu hồi tiêu thụ dần quay trở lại sau khi FED hạ lãi suất. KBSV khuyến nghị MUA với VCS, giá mục tiêu 95,900 VND/cổ phiếu, tương ứng với mức lợi suất sinh lời 17% so với giá đóng cửa ngày 21/06/2024.

MUA duy trì

Giá mục tiêu	VND 95,900
Tăng/giảm (%)	17%
Giá hiện tại (21/06/2024)	VND 82,000
Giá mục tiêu đồng thuận	-
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	1.32/0.52

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	4%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	22.5/0.88
Sở hữu nước ngoài (%)	2.2%
Cổ đông lớn	
Phượng Hoàng Xanh A&A	84.15%

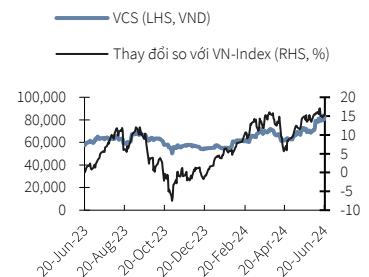
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	16	19	51	41
Tương đối	16	18	35	26

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	FY2022	FY2023	FY2024	FY2025
Doanh số thuần (tỷ VND)	5,660	4,354	4,953	5,839
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	1,382	1,007	1,180	1,441
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	1,149	846	1,000	1,225
EPS (VND)	7,179	5,290	6,248	7,655
Tăng trưởng EPS (%)	-35%	-26%	18%	23%
P/E (x)	1.4	15.7	13.3	10.8
P/B (x)	0.3	2.7	2.5	2.2
ROE (%)	24%	17%	19%	22%
Tỷ suất cổ tức (%)	59.9%	40.0%	40.0%	40.0%

Nguồn: FiinProX, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

TienphongBank (TPB)

Lợi nhuận sẽ hồi phục trong năm 2024

21/06/2024

Chuyên viên phân tích Vũ Thu Uyên
uyenvt@kbsec.com.vn

KQKD 1Q2024: LNTT cải thiện nhẹ, đạt 1,829 tỷ đồng (+3.6% YoY) – hoàn thành 24.4% kế hoạch năm

1Q2024, tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 4,685 tỷ đồng (+5.4% QoQ và 28.0% YoY) nhờ sự cải thiện đến từ cả thu nhập lãi thuần (+25.2% YoY) và thu nhập ngoài lãi (+36.4% YoY). Tuy nhiên, áp lực trích lập dự phòng tăng cao (+274.9% YoY) đã khiến LNTT chỉ tăng nhẹ 3.6% YoY, đạt 1,829 tỷ đồng – hoàn thành 24.4% kế hoạch lợi nhuận của năm.

Tín dụng tăng trưởng theo kỳ vọng thị trường BĐS và nhu cầu tiêu dùng hồi phục

Dù kết quả quý 1 không được như kỳ vọng, KBSV giữ nguyên dự phóng tăng trưởng tín dụng năm 2024 của TPB là 15.75% - hoàn thành mức room được giao. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ nhu cầu tiêu dùng kỳ vọng gia tăng vào cuối năm sẽ cải thiện kết quả kinh doanh ở phân khúc bán lẻ. Đặc biệt là thị trường BĐS đang có dấu hiệu hồi phục tích cực sẽ là một yếu tố có lợi đối với mảng cho vay phát triển dự án BĐS và cho vay mua nhà của TPB.

NIM dự kiến thu hẹp nhẹ nhưng vẫn ở mức cao giúp hỗ trợ cho thu nhập lãi thuần

Dự báo NIM của TPB sẽ thu hẹp nhẹ xuống còn ~4% trong 3 quý còn lại chủ yếu do áp lực hạ lãi suất do vay, trong khi chi phí vốn sẽ được duy trì ở mức thấp nhờ tận dụng tốt lợi thế từ CASA. Dù vậy, chúng tôi đánh giá mức NIM này vẫn tích cực và là một yếu tố hỗ trợ cho thu nhập lãi thuần của TPB.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 22,700 VND/cp

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu cho năm 2024 của cổ phiếu TPB là 22,700 VND/cp, cao hơn 24.4% so với giá tại ngày 20/06/2024. Khuyến nghị MUA với cổ phiếu TPB.

MUA Duy trì

Giá mục tiêu	VND 22,700
Tăng/giảm (%)	24.4%
Giá hiện tại (20/06/2024)	VND 18,250
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 22,200
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	40.18/1.6

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	62.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	162.42
Sở hữu nước ngoài (%)	28.3%
Cổ đông lớn	CTCP FPT (6.77%)

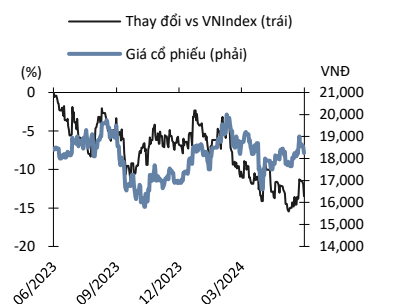
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-1.1	-1.9	8.0	-0.8
Tương đối	-1.4	-3.6	-7.3	-13.5

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2022	2023	2024F	2025F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	11,387	12,425	14,400	16,957
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	9,672	9,535	11,466	13,498
Lợi nhuận của CD công ty mẹ (tỷ VND)	6,261	4,463	5,926	7,805
EPS (VND)	3,958	2,027	2,692	3,545
Tăng trưởng EPS (%)	30%	-49%	33%	32%
P/E (x)	4.6	9.0	6.8	5.1
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	20,382	14,872	17,064	20,609
P/B (x)	0.90	1.23	1.07	0.89
ROE (%)	21.5	13.7	16.9	18.8
Tỷ suất cổ tức (%)	0.0	13.7	2.7	0.0

Nguồn: Fiipro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB)

Tập trung xử lý chất lượng tài sản

Chuyên viên phân tích Phạm Phương Linh
linhpp@kbsec.com.vn

21/06/2024

LNTT quý 1 đạt 2,502 tỷ VNĐ (-7% YoY), hoàn thành 21% dự phóng của KBSV

Tăng trưởng tín dụng đạt 0.5% YTD phản ánh diễn biến ảm đạm của nền kinh tế trong mùa thấp điểm 3 tháng đầu năm, nhưng là tín hiệu tích cực khi quý 1/2023 ngân hàng có mức tăng trưởng âm. Thu nhập ngoài lãi (NOII) có kết quả tích cực bù đắp cho sự sụt giảm của thu lãi thuần (NII), tựu chung Tổng thu nhập hoạt động (TOI) vẫn có mức tăng trưởng 8% YoY. Tuy nhiên, chi phí hoạt động và chi phí tín dụng đều tăng (+19% YoY và 41% YoY) nên LNTT của ngân hàng giảm nhẹ 7% YoY, đạt hơn 2,500 tỷ - hoàn thành 20% dự phóng của năm của KBSV.

Triển vọng tín dụng dự kiến tốt hơn trong nửa sau năm 2024

Chúng tôi quan sát thấy tín dụng của VIB thường có mức tăng tốt hơn từ quý 2 trở đi, do vậy KBSV vẫn giữ kỳ vọng ngân hàng có thể đạt mức tăng trưởng 16% trong năm nay. Động lực hoàn thành hạn mức đến từ (1) Cho vay mua nhà sẽ động lực tăng trưởng chính (tăng trưởng 20% YoY); (2) cho vay mua xe hồi phục 15% YoY từ nền thấp; (3) cho vay bán buôn sẽ có mức tăng trưởng tốt hơn so với các năm trước.

Đẩy mạnh xử lý tài sản và thu hồi nợ đã xoá gia tăng nguồn thu nhập khác

KBSV đánh giá cao chất lượng khách hàng và tài sản thế chấp cho những khoản vay của VIB và chiến lược quản trị rủi ro của ngân hàng giúp tăng khả năng thu hồi những khoản nợ đã xoá. BLĐ cho biết dự kiến nợ thu hồi trong năm 2024 khoảng 1,000-1,500 tỷ, đến năm 2025 có thể khôi phục 70% các khoản vay đã xoá. Mặc dù tỷ lệ bao phủ nợ xấu của VIB tương đối thấp so với các NHTM tư nhân (chỉ khoảng 50%), song với mô hình cho vay và quản trị rủi ro của VIB chúng tôi không nhận thấy vấn đề nghiêm trọng khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu thấp.

Định giá - Khuyến nghị: MUA - Giá mục tiêu 28,800 VNĐ/CP

Sau khi điều chỉnh dự phóng với một số nguồn thu và chi phí dự phòng, chúng tôi nâng định giá cổ phiếu VIB lên mức 28,800 VNĐ/CP. Khuyến nghị MUA với tiềm năng tăng giá là 31% so với giá đóng cửa ngày 20/06/2024.

MUA duy trì

Giá mục tiêu	VND
Giá mục tiêu	28,800
Tăng/giảm (%)	30.9%
Giá hiện tại (18/06/2024)	VND 22,000
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 26,900
Vốn hóa thị trường	55.7/2.2

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ/triệu USD)	76.5%
Sở hữu nước ngoài (%)	133.3/5.3
Cổ đông lớn	20%
Commonwealth Bank of Australia	

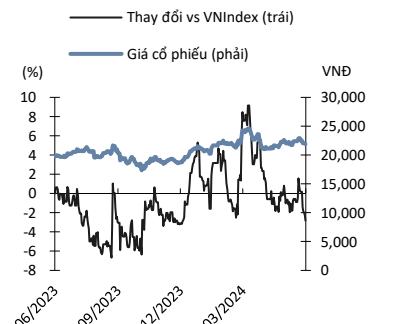
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-3.1	-9.9	16.8	10.9
Tương đối	-3.6	-10.4	0.3	-2.8

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2022	2023	2024F	2025F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VNĐ)	14,963	17,361	19,716	23,367
LN trước CF DPRRTD (tỷ VNĐ)	11,861	15,550	17,511	20,309
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VNĐ)	8,469	8,563	10,742	12,472
EPS	4,018	3,376	4,235	4,916
Tăng trưởng EPS (%)	-3%	-16%	25%	16%
PER (x)	11.0	13.0	10.4	8.9
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	15,492	14,956	17,920	22,077
PBR (x)	2.84	2.94	2.46	1.99
ROE (%)	29.7%	24.3%	25.8%	24.6%

Nguồn: Fiinpro, KBSV



Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Chỉ số VNIndex



Nguồn: Trading View, KB Securities Vietnam

Chi báo	Nhận định xu hướng	Hành động
Xanh đậm	Khả năng tăng điểm cao	Mua mạnh
Xanh nhạt	Khả năng tăng điểm vừa phải	Mua từng phần
Vàng	Xu hướng trung tính	Quan sát
Cam	Khả năng giảm điểm vừa phải	Bán từng phần
Đỏ	Khả năng giảm điểm cao	Bán mạnh

Ngưỡng kỹ thuật

Kháng cự xa: 1330 (+-10)

Kháng cự gần: 129x

Hỗ trợ gần: 1270 (+-5)

Hỗ trợ xa: 124x

VNIndex đóng phiên giao dịch cuối tuần với trạng thái giằng co giữa 2 phe. Chỉ số hiện tại đang tạo ra vùng dao động biên độ từ 1270 - 129x với thanh khoản thấp, biến động phân hóa. Mặc dù lực cầu chủ động bắt đáy vẫn đang đóng vai trò hỗ trợ cho thị trường, áp lực cung phía trên vẫn còn tương đối lớn. Do đó rủi ro chỉ số có thể đảo chiều đang có phần lấn át hơn khi VNIndex tiếp cận trở lại các vùng kháng cự.

ĐTĐ được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các phiên hồi phục sớm, ưu tiên bán chốt lời các vị thế trading đã mở và hạ tỷ trọng danh mục xuống ngưỡng an toàn khi chỉ số tiếp cận các vùng kháng cự.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

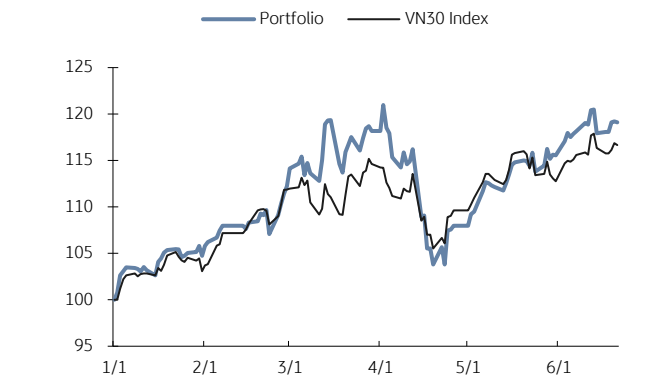
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.18%	-0.08%
Tăng lũy kế (YTD)	16.66%	19.12%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 21/06/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
FPT (FPT)	02/05/2024	136,100	2.1%	26.4%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PC1 Group (PC1)	01/04/2024	30,000	1.2%	5.4%	- Quy hoạch điện VIII thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp - Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha Lanina trong 2H2024 - Triển vọng dài hạn ở mảng Khu công nghiệp
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	86,000	0.0%	-12.4%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	03/06/2024	97,700	-0.1%	3.9%	- Thị phần mảng bán lẻ duy trì tăng trưởng nhờ xu hướng hợp nhất ngành - Nhu cầu kỳ vọng cải thiện khi kinh tế phục hồi - Mảng vàng miếng tăng trưởng tốt nhờ giá vàng tăng
Hoa Phat (HPG)	03/06/2024	29,050	-1.0%	0.9%	- KQKD chạm đáy trong 2023 và hồi phục từ 2024 - Lợi nhuận có tín hiệu hồi phục, ngành thép chuẩn bị bước vào chu kỳ tăng giá mới - Dung Quất 2 tạo động lực tăng trưởng cho HPG trong dài hạn
Sacombank (STB)	03/06/2024	30,650	-0.3%	9.1%	- STB đã bán thành công khoản nợ liên quan đến khu công nghiệp Phong Phú - Lãi suất huy động của STB vẫn duy trì ở mức thấp - NIM kỳ vọng tiếp tục hồi phục, NPL đi ngang so với cùng kỳ, chất lượng tài sản được kiểm soát tốt
DPM (DPM)	03/06/2024	37,350	0.1%	2.6%	- Nhu cầu trở lại toàn cầu tăng trưởng sẽ hỗ trợ triển vọng tiêu thụ phân bón trong 2024 - Kỳ vọng chi phí đầu vào thuận lợi hơn khi El Nino có dấu hiệu suy yếu đi
Nam Kim (NKG)	03/06/2024	25,400	-2.7%	2.6%	- Tiêu thụ được thúc đẩy nhờ động lực chính từ kênh xuất khẩu và nội địa dần hồi phục - Nhà máy Nam Kim Phú Mỹ bắt đầu cho ra sản phẩm từ 1Q2026
PetroVietnam Gas (GAS)	03/06/2024	77,900	-0.1%	-3.7%	- Giá dầu thô Brent và dầu FO dự báo đi ngang so với năm 2023, đóng góp vào KQKD 2024 - Dự án LNG tăng khả năng có lợi nhuận trong 2025 nhờ điều chỉnh giá điện
Mobile World Corp (MWG)	02/05/2024	63,500	0.0%	13.4%	- Chuỗi TGDD và ĐMX trên đà hồi phục, kỳ vọng quay trở lại làm trụ cột lợi nhuận chính - Bách Hóa Xanh tăng trưởng ấn tượng, đạt mục tiêu hoà vốn, tiếp tục tối ưu trước khi mở rộng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
EVF	-1.7%	2.0%	60.7
CTR	1.1%	10.5%	56.4
LPB	6.5%	0.8%	43.1
TCH	-0.9%	4.6%	32.0
ELC	3.4%	2.9%	29.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FPT	2.1%	41.3%	-227.0
VND	-3.0%	11.8%	-128.6
VRE	-1.2%	26.4%	-85.0
HPG	-1.0%	24.7%	-63.4
POW	-2.7%	4.3%	-52.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MBS	1.5%	2.4%	22.6
LAS	2.2%	3.1%	2.8
APS	760.5%	1.0%	0.9
IVS	-0.8%	79.5%	0.6
TVC	7.9%	0.6%	0.6

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	0.0%	9.6%	-14.7
PVS	-0.7%	20.9%	-13.3
HUT	-1.2%	1.7%	-11.7
IDC	-0.6%	23.9%	-10.6
CEO	-1.1%	4.8%	-3.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	19.2%	TNH, JVC, VMD
Máy móc	10.7%	TCH, HHS, SRF, SHA
Tiện ích điện	10.4%	PGV, NT2, PPC, TTA
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	6.9%	AST, VNG, DSN, DAH
Hóa chất	6.0%	GVR, DGC, DPM, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-2.9%	SAB, BHN, SMB, SCD
Chứng khoán	-2.3%	SSI, VND, HCM, VCI
Tiện ích khí	-1.4%	GAS, PGD, PMG
Ngân hàng	-1.4%	VCB, BID, VPB, TCB
Thực phẩm	-1.2%	VNM, MSN, KDC, VHC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	30.3%	TNH, JVC, VMD
Công nghệ	17.7%	FPT, CMG, ELC
Tiện ích điện	17.2%	PGV, NT2, PPC, TTA
Hàng hải	16.5%	VSC, VOS, SKG, VTO
Giấy & lâm sản	16.5%	DHC, HAP, HHP, VID

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Quản lý & phát triển bất động sản	-5.2%	VHM, VIC, NVL, BCM
Ngân hàng	-4.4%	VCB, BID, VPB, TCB
Chứng khoán	-3.2%	SSI, VND, HCM, VCI
Sản phẩm xây dựng	-2.9%	VGC, BMP, SHI, DAG
Bao bì & đóng gói	-2.2%	TDP, SVI, MCP, TPC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDm)	GTGD (VNĐtriệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)		EPS CAGR (%)				Biến động (%)					
						P/E (X)		ROE (%)		P/B (X)		1D	1W	1M	YTD		
						23E	24E	23E	24E	23E	24E	1D	1W	1M	YTD		
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	102,264 (4.0)	22.5	47.1	-	14.7	2.9	-2.5	-	-	0.5	-0.8	-10.3	-6.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	308,681 (12.1)	26.6	5.4	4.6	35.9	16.0	15.8	0.8	0.7	-0.7	-1.2	-6.1	-12.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	184,802 (7.3)	17.8	11.1	9.7	-7.6	10.7	10.6	1.1	1.0	-1.2	-6.8	-13.6	-14.2
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	195,773 (7.7)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-6.4	0.7	0.8	-1.5	-5.3	-6.3	-21.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	133,383 (5.2)	11.6	34.0	31.4	13.7	6.5	7.6	1.9	1.9	-0.1	0.0	2.7	19.4
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	118,122 (4.6)	13.9	68.6	40.7	-	2.1	2.5	1.1	1.1	-0.9	-3.9	-8.1	-18.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	172,773 (6.8)	6.3	14.0	11.9	11.7	19.2	18.2	2.4	1.9	0.0	-1.7	-5.6	7.1
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	92,883 (3.7)	12.7	11.9	10.3	-5.3	18.8	19.2	1.8	1.5	0.2	-4.0	-8.8	5.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	19,450	136,341 (5,925)	499,369 (19.6)	0.0	7.8	6.5	14.3	16.3	17.6	1.2	1.0	-1.2	-0.2	3.8	54.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	320,217 (12.6)	1.4	8.4	6.3	50.3	16.6	18.7	1.2	1.0	0.0	-1.8	-4.3	18.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	468,798 (18.4)	0.0	10.6	8.2	18.8	11.2	12.9	1.1	1.0	-0.5	4.8	-1.0	2.1
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	393,764 (15.5)	0.0	5.8	4.9	14.6	22.1	22.2	1.1	1.0	-0.2	0.4	-1.7	24.4
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	158,255 (6.2)	4.2	5.7	5.1	23.3	24.3	19.8	1.2	0.9	-1.9	-3.3	-6.3	14.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	458,570 (18.0)	14.0	6.5	4.7	26.5	18.8	21.5	1.0	0.8	-0.3	0.3	8.3	9.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	164,806 (6.5)	0.0	4.4	3.5	37.4	16.5	17.7	1.1	0.9	-0.8	-2.9	-1.4	4.0
EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	217,918 (8.6)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.0	0.3	0.5	1.1	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	53,251 (2.1)	21.0	19.6	16.3	15.8	7.8	9.0	-	-	-0.2	1.5	7.1	14.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	16,477 (0.6)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.0	5.2	6.6	24.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	532,408 (20.9)	55.4	20.2	17.1	-3.2	12.1	13.2	2.3	2.3	-1.1	-1.7	-3.5	8.2
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	261,314 (10.3)	71.9	26.6	25.4	-4.0	12.7	11.6	2.2	2.5	-1.0	-1.6	-5.1	12.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	249,597 (9.8)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	0.2	-2.6	-5.2	18.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,134	5,734 (249)	292,759 (11.5)	27.2	11.9	11.7	36.3	11.7	12.0	1.4	1.2	-3.0	-9.2	-14.0	-17.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,905 (9,900)	286,497 (11.3)	42.1	16.0	14.9	4.0	28.3	29.5	4.3	4.2	0.0	-0.3	-0.3	-2.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	110,470 (4.3)	36.9	18.5	17.5	7.3	17.9	18.7	3.2	3.2	-1.0	-3.0	6.0	-2.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	472,536 (18.6)	16.5	62.3	29.7	-51.9	7.3	12.2	3.6	3.2	0.5	-2.3	0.5	13.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	20,808 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.2	1.2	11.7	3.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	100,535 (4.0)	11.0	32.8	23.7	-88.5	11.5	17.0	3.3	2.8	-1.3	-2.2	-8.9	-5.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	142,976 (5.6)	10.8	19.4	20.2	-57.0	14.9	13.3	2.5	2.3	0.2	0.5	-2.2	18.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	94,289 (3.7)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	-0.6	-6.4	-6.6	-6.1
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	77,037 (3.0)	48.0	37.6	30.7	26.2	28.3	30.5	8.7	7.2	1.1	5.2	23.9	74.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	377,332 (14.8)	37.7	21.4	19.6	-14.4	7.7	5.2	1.5	-	-0.4	-2.1	-0.4	-1.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	121,115 (4.8)	3.6	22.7	14.5	-52.4	3.6	5.1	0.9	0.9	-0.4	5.0	4.5	10.8
	REE	REE	39,188	18,419 (800)	58,389 (2.3)	0.0	10.7	8.6	-4.5	10.6	10.5	1.3	1.4	-1.8	4.9	9.0	30.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							23E	24E	23E	24E	23E	24E	23E	24E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	138,869 (5.5)	46.1	16.1	15.2	-17.5	16.6	16.4	2.6	2.5	-0.1	-1.4	1.6	3.2	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	25,978 (1.0)	31.4	-	24.9	-10.5	2.0	5.1	1.6	1.6	-0.4	0.7	0.5	-9.0	
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	13,995 (0.5)	34.1	8.6	8.2	-5.1	13.3	13.5	0.9	0.9	0.6	1.9	-0.6	7.1	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	22,714	145,287 (6,314)	709,359 (27.9)	18.0	15.3	10.5	21.9	10.2	12.9	1.6	1.4	-1.0	-0.2	0.3	14.3	
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	178,800 (7.0)	36.5	19.4	15.6	-0.5	6.4	7.9	1.3	1.2	0.1	1.5	4.2	12.2	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	231,340 (9.1)	46.5	12.0	12.4	-4.5	14.4	16.2	2.0	1.9	-0.1	4.7	1.2	21.1	
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	350,080 (13.8)	38.9	18.5	13.1	67.9	8.1	10.1	1.5	1.5	0.0	7.0	15.6	10.5	
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	76,513 (3.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	2.2	3.6	-0.4	21.7	
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	107,192 (4.2)	4.6	16.2	15.1	-51.0	12.0	12.2	1.9	1.8	2.4	4.4	12.8	22.6	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	154,505 (6.1)	39.9	19.7	11.1	-11.9	5.9	11.3	1.3	1.2	0.3	0.8	-4.4	11.1	
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,273	5,793 (252)	174,652 (6.9)	35.9	9.6	8.4	2.2	13.2	13.5	1.3	1.2	1.2	-1.3	0.3	24.6	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	510,097 (20.0)	0.0	28.4	19.8	14.4	14.2	16.6	3.6	3.1	0.0	0.8	5.0	48.4	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	118,319 (4.6)	0.0	15.6	13.4	2.4	21.1	21.2	2.9	2.6	-0.1	2.0	-0.3	13.6	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	15,160 (0.6)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	0.5	-1.6	-23.2	
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	130,248 (5.1)	30.3	125.5	46.7	-75.2	9.6	23.4	14.0	11.5	2.2	2.9	9.1	67.3	
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	29,128 (1.1)	34.6	15.5	11.6	41.2	15.4	21.4	2.4	2.3	0.3	-0.2	0.2	22.5	
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,612 (0.2)	45.4	16.2	15.1	10.7	19.5	19.2	3.2	3.2	-0.4	-0.4	-0.3	11.1	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-	
IT	FPT	FPT CORP	42,848	61,301 (2,664)	891,998 (35.1)	0.0	26.3	21.5	15.5	28.4	28.9	4.9	4.1	2.1	3.9	15.1	62.9	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Trưởng nhóm
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Trung lập:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.